CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp
của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019
Đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 38.205.944 Fax: (028) 38.205.942 Website: www.aascs.com.vn Email: info@aascs.com.vn

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
- Bảng cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10 -11
- Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	12 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công Ty Cổ phần Công Trình Cầu Phà Thành Phố (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạc và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng. Bằng chữ: Chín mươi mốt tỷ đồng.

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thi công xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;

Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lắp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);

Dịch vụ giữ xe dưới dạ cầu trong hành lang quản lý;

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Mô hình hoạt động :

Công ty có 01 công ty con và các Xí nghiệp trực thuộc, trong đó:

+ Công ty con:

Đơn vị	**Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà**
Địa chỉ	: 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM
Tỷ lệ lợi ích	: 65%
Tỷ lệ quyền biểu quyết	: 65%

Các đơn vị trực thuộc	**Hoạt động kinh doanh chính**
- Văn phòng	Quản lý chung
- Xí nghiệp Công trình giao thông 1	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 2	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 3	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 4	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 5	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 6	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 7	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 8	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 9	Thi công công trình giao thông

II KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

III CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị

Họ và tên		Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông	Trần Minh Trung	Chủ tịch	Ngày 02 tháng 08 năm 2018
Ông	Lê Hữu Châu	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Bà	Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông	Trịnh Văn Khâm	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Bà	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên	Ngày 24 tháng 04 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên		Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông	Lê Hữu Châu	Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông	Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 05 năm 2016
Ông	Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 05 năm 2016

Ban Kiểm soát

Họ và tên		Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông	Lê Mạnh Thư	Trưởng ban	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông	Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông	Trần Thái Phương	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

VI CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp , Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp này;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Duyệt, ngày 10 tháng 03 năm 2020

TM.Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
M.S.D.N: 0301966093 - C.T.C.P
QUẬN 10 - TP HỒ CHÍ MINH

LÊ HỮU CHÂU

Số : 196 /BCKT/TC/2020/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp được lập ngày 10/03/2020 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, trình bày từ trang 7 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp . Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp .

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP.HCM, Ngày 19 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam	
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Lê Văn Tuấn	**Nguyễn Thị Mỹ Ngọc**
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1	Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1091-2018-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**323.350.703.444**	**273.001.710.045**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**56.412.762.787**	**41.081.200.680**
Tiền	111		56.412.762.787	41.081.200.680
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.2	**-**	**-**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**205.692.611.975**	**161.753.603.662**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	183.822.588.779	132.645.484.446
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.537.573.119	16.309.513.737
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	18.840.716.607	15.017.769.693
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.508.266.530)	(2.219.164.214)
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.7	**51.519.684.436**	**54.662.814.319**
Hàng tồn kho	141		51.519.684.436	54.662.814.319
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**9.725.644.246**	**15.504.091.384**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	3.702.583.738	9.106.464.783
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.598.908.679	4.257.119.823
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.424.151.829	2.140.506.778
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**44.995.885.748**	**47.887.471.409**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**20.450.057.927**	**25.926.505.798**
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	20.450.057.927	25.900.755.802
- Nguyên giá	222		64.271.022.977	64.271.022.977
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(43.820.965.050)	(38.370.267.175)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	25.749.996
- Nguyên giá	228		213.100.000	213.100.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(213.100.000)	(187.350.004)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	V.8	**9.882.662.638**	**614.573.548**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.882.662.638	614.573.548
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.2	**3.900.000.000**	**7.800.000.000**
Đầu tư vào công ty con	251		3.900.000.000	7.800.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**10.763.165.183**	**13.546.392.063**
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	10.763.165.183	13.546.392.063
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**368.346.589.192**	**320.889.181.454**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**268.112.451.296**	**220.798.115.358**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**268.112.451.296**	**220.798.115.358**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	98.148.861.624	89.794.462.698
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77.477.982.304	46.397.012.112
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.027.025.119	328.615.252
Phải trả người lao động	314		6.898.382.177	3.327.257.353
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	45.700.351.347	52.153.723.229
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	38.096.326.082	30.134.977.808
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.236.477.357)	(1.337.933.094)
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**-**
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**100.234.137.896**	**100.091.066.096**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.16	**100.234.137.896**	**99.823.416.321**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		59.467.052	59.467.052
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.577.505.223	1.027.487.416
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.597.165.621	7.736.461.853
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		891.372.820	831.105.721
+ LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.705.792.801	6.905.356.132
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**	V.17	**-**	**267.649.775**
Nguồn kinh phí	431		-	267.649.775
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	**440**		**368.346.589.192**	**320.889.181.454**

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hoàng Hạnh	Lê Nga Phương	Lê Hữu Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**381.349.712.079**	**392.770.077.233**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**381.349.712.079**	**392.770.077.233**
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	340.256.532.298	353.360.874.926
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**41.093.179.781**	**39.409.202.307**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.602.273.374	2.030.951.687
Chi phí tài chính	22		482.145.122	156.692.307
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*432.145.122*	*156.692.307*
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		28.035.109.663	26.264.294.357
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**14.178.198.370**	**15.019.167.330**
Thu nhập khác	31	VI.4	152.702.912	593.156.925
Chi phí khác	32	VI.5	906.379.880	1.933.003.929
Lợi nhuận khác	**40**		**(753.676.968)**	**(1.339.847.004)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**13.424.521.402**	**13.679.320.326**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	2.623.728.601	2.678.964.194
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	**60**		**10.800.792.801**	**11.000.356.132**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hoàng Hạnh	Lê Nga Phương	Lê Hữu Châu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**13.424.521.402**	**13.679.320.326**
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02		5.476.447.871	6.818.331.011
- Các khoản dự phòng	03		5.289.102.316	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.602.273.374)	(2.266.312.693)
- Chi phí lãi vay	06		432.145.122	156.692.307
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**23.019.943.337**	**18.388.030.951**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(48.537.505.676)	(9.317.480.211)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		3.143.129.883	716.628.038
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		33.758.813.185	2.926.490.929
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		11.889.691.663	(8.243.469.647)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(432.145.122)	(156.692.307)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(2.000.000.000)	(2.045.956.481)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	VII.5	1.243.151.000	268.443.552
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	VII.5	(5.251.459.062)	(2.387.091.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**16.833.619.208**	**148.903.157**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.963.215.000)	(92.322.455)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	49.000.000
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		-	-
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.025.536.871)
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.900.000.000	-
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.602.273.374	1.442.951.687
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(1.460.941.626)**	**(1.625.907.639)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Đơn vị tính: VND

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.Tiền thu từ đi vay	33		79.290.454.473	66.167.820.331
4.Tiền trả nợ gốc vay	34		(71.329.106.199)	(55.513.723.322)
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.002.463.749)	(9.898.441.947)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(41.115.475)**	**755.655.062**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**		**15.331.562.107**	**(721.349.420)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	V.1	**41.081.200.680**	**41.802.550.100**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**		**56.412.762.787**	**41.081.200.680**

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hoàng Hạnh	Lê Nga Phương	Lê Hữu Châu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạc và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thi công xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;

Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lắp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);

Dịch vụ giữ xe dưới dạ cầu trong hành lang quản lý;

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp : Bao gồm 1 Công ty con và 9 Xí nghiệp trực thuộc

a. Công ty con : 01 Công ty

Công ty	**: Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà**
Địa chỉ	: 451/10 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, TP. HCM
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	: 65 %
Tỷ lệ quyền biểu quyết	: 65 %

b. Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Các đơn vị trực thuộc	**Hoạt động kinh doanh chính**
- Văn phòng Công ty	: Quản lý chung
- Xí nghiệp Công trình giao thông 1	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 2	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 3	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 4	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 5	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 6	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 7	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 8	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 9	: Thi công công trình giao thông

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt , tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kém phẩm chất, lỗi thời…) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư …

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3

Công ty	Quan hệ
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM (HFIC)	Cổ đông lớn 40%
Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà	Công ty con

15. Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào hoạt động xây dựng, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, dó đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP:

1 .TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	**23.667.250**	**18.740.324**
Văn phòng Công ty	19.343.314	17.006.569
Các Xí nghiệp trực thuộc	4.323.936	1.733.755
- Tiền gửi ngân hàng	**56.389.095.537**	**41.062.460.356**
Văn phòng Công ty	53.781.648.840	33.964.022.716
Các Xí nghiệp trực thuộc	2.607.446.697	7.098.437.640
Cộng	**56.412.762.787**	**41.081.200.680**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1. Chứng khoán kinh doanh

2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	**Dự phòng**	**Giá trị hợp lý**	**Giá trị gốc**	**Dự phòng**	**Giá trị hợp lý**
a. Đầu tư vào công ty con	**3.900.000.000**	-	**3.900.000.000**	**7.800.000.000**	-	**7.800.000.000**
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà (*)	3.900.000.000	-	3.900.000.000	3.900.000.000	-	3.900.000.000
+ Công ty TNHH ĐTXD và PT Công trình giao thông 6 (**)	-	-	-	3.900.000.000	-	3.900.000.000
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
c. Đầu tư vào các đơn vị khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	**3.900.000.000**	-	**3.900.000.000**	**7.800.000.000**	-	**7.800.000.000**

Ghi chú:

(*) **Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Công trình Cầu Phà** được thành lập theo Nghị quyết số 45/NQ-CTCP-HĐQT ký ngày 03 tháng 07 năm 2016 do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314571452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chính Minh cấp lần đầu vào ngày 14 tháng 08 năm 2017.

(**)**Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và phát triển Công trình giao thông 6** được thành lập theo Nghị quyết số 66/NQ-CTCP-HĐQT ký ngày 13 tháng 12 năm 2017 do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314969081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 05 tháng 04 năm 2018.

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và phát triển Công trình giao thông 6 được thoái vốn theo Nghị quyết số 90/NQ-CTCP-HĐQT ký ngày 14 tháng 11 năm 2019 do Hội đồng quản trị CTCP Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với công ty con: Xem thuyết minh VIII.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

3.1. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 1	13.673.025.664	7.947.221.920
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 2	23.584.115.648	28.802.928.397
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 3	9.841.205.151	5.243.826.004
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 4	20.845.925.875	13.285.520.619
Khu quản lý đường thủy nội địa	9.764.325.017	6.446.526.132
BQL ĐTXD CT Huyện Nhà Bè	695.551.000	383.469.721
BQL dự án lưới điện phân phối TPHCM	9.662.628.911	6.317.115.017
BQL CT CC Huyện Tam Nông	344.906.000	721.728.000
Trung tâm quản lý đường hầm Sông Sài Gòn	11.671.549.973	10.358.607.732
Công ty TNHH Đầu tư Phước Kiểng	3.794.027.265	7.159.687.973
Các khoản phải thu khách hàng khác	79.945.328.275	45.978.852.931
Cộng	**183.822.588.779**	**132.645.484.446**

3.2. Dài hạn

3.3. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

4 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
4.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Văn phòng	**330.149.000**	**3.345.175.528**
Cty TNHH MTV Đóng tàu và CN Hàng Hải Sài Gòn	116.235.000	116.235.000
Công ty TNHH Xây dựng Bảo Nam Long		2.069.937.400
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	213.914.000	1.159.003.128
Xí nghiệp	**10.207.424.119**	**12.964.338.209**
Xí nghiệp công trình 1	714.171.125	1.123.583.330
Xí nghiệp công trình 2	318.947.700	325.819.700
Xí nghiệp công trình 3	3.876.875.130	48.273.250
Xí nghiệp công trình 4	571.152.801	688.379.601
Xí nghiệp công trình 5	1.284.090.387	1.197.227.473
Xí nghiệp công trình 6	1.101.604.294	-
Xí nghiệp công trình 7	308.248.896	313.003
Xí nghiệp công trình 8		7.337.883.066
Xí nghiệp công trình 9	2.032.333.786	2.242.858.786
Cộng	**10.537.573.119**	**16.309.513.737**

4.2. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
5.1. Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	**494.798.418**		**494.798.418**	
- Phải thu của người lao động	**220.111.362**		**655.689.191**	
+ Các khoản trích theo lương	172.086.600		180.905.625	
+ Thuế TNCN	48.024.762		166.155.247	
+ Khác	-		308.628.319	
- Tạm ứng	**7.931.670.073**		**2.746.642.072**	
+ Văn phòng	563.797.232		656.167.552	
+ Xí nghiệp trực thuộc	7.367.872.841		2.090.474.520	
- Ký cược, ký quỹ	**6.781.459.347**		**6.287.489.797**	
- Phải thu khác	**3.412.677.407**		**4.833.150.215**	
Văn phòng	**1.287.318.621**		**1.336.380.754**	
+ Phải thu về duy tu	24.187.273		24.187.273	
+ Công ty TNHH ĐT XD CT Cầu Phà	553.000.000		585.000.000	
+ Công ty TNHH ĐT XD & PT CTGT 6	-		3.000.000	
+ XD trạm ép rác kín phường Thạnh Mỹ Lợi Q2	693.593.810		693.593.810	
+ Phải thu khác	16.537.538		30.599.671	
Xí nghiệp	**2.125.358.786**		**3.496.769.461**	
+ Xí nghiệp công trình 1	220.000.000	-	510.000.000	-
+ Xí nghiệp công trình 2	-	-	439.649.311	-
+ Xí nghiệp công trình 3	1.373.006.915	-	886.291.000	-
+ Xí nghiệp công trình 4	-	-	20.547.000	-
+ Xí nghiệp công trình 5	6.599.330	-	5.509.719	
+ Xí nghiệp công trình 6	-	-		
+ Xí nghiệp công trình 7	12.428.614	-	40.614	
+ Xí nghiệp công trình 8	-	-	1.337.867.972	
+ Xí nghiệp công trình 9	513.323.927	-	296.863.845	
Cộng	**18.840.716.607**		**15.017.769.693**	

5.2. Dài hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

6 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
Cty CP ĐT & XD Số 17 Thăng Long	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214
Cty CP Đầu tư Phát triển Sông Đà	337.118.000	337.118.000	337.118.000	337.118.000
Cty CP Đầu tư Phát triển Sông Đà	382.828.000	382.828.000	382.828.000	382.828.000
Cty TNHH XD TM Du lịch Công Lý	3.229.102.316	3.229.102.316	-	-
CTCP Đức Phan	2.060.000.000	2.060.000.000	-	-
Cộng	**7.508.266.530**	**7.508.266.530**	**2.219.164.214**	**2.219.164.214**

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	35.899.441.038		37.578.962.294	
- Công cụ, dụng cụ	3.780.229.671		3.160.430.881	
- Chi phí SXKDD	11.840.013.727		13.923.421.144	
Cộng	**51.519.684.436**	**-**	**54.662.814.319**	**-**

8 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
8.1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		
8.2. Xây dựng cơ bản dở dang		
- Công trình xây dựng trụ sở	9.882.662.638	522.251.093
	-	-
Cộng	**9.882.662.638**	**522.251.093**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	**1.190.381.529**	**5.142.295.063**	**57.168.931.113**	**769.415.272**	**64.271.022.977**
- Giảm do góp vốn vào Công ty con	-	-	-	-	-
- Giảm nguyên giá các dạ cầu do bàn giao Sở GTVT	-	-	-	-	-
- Giảm nguyên giá nhà kho Tố Hiến Thành	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**1.190.381.529**	**5.142.295.063**	**57.168.931.113**	**769.415.272**	**64.271.022.977**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	**562.896.686**	**4.037.058.491**	**33.011.089.894**	**759.222.104**	**38.370.267.175**
- Khấu hao trong năm	57.044.076	424.484.821	4.960.431.982	8.736.996	5.450.697.875
- Giảm do góp vốn vào Công ty con	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**619.940.762**	**4.461.543.312**	**37.971.521.876**	**767.959.100**	**43.820.965.050**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	**627.484.843**	**1.105.236.572**	**24.157.841.219**	**10.193.168**	**25.900.755.802**
Tại ngày cuối năm	**570.440.767**	**680.751.751**	**19.197.409.237**	**1.456.172**	**20.450.057.927**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu		Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-			**213.100.000**	**213.100.000**
- Mua trong năm		-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	**213.100.000**	**213.100.000**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	**187.350.004**	**187.350.004**
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	25.749.996	25.749.996
- Tăng do phân loại	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối ky	-	-	-	-	**213.100.000**	**213.100.000**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	**25.749.996**	**25.749.996**
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
11.1 Ngắn hạn		
a. Văn phòng	-	-
b. Xí nghiệp	**3.702.583.738**	**9.106.464.783**
+ Xí nghiệp công trình 2	1.155.345.457	1.177.409.093
+ Xí nghiệp công trình 3		
+ Xí nghiệp công trình 4	1.278.634.048	844.999.886
+ Xí nghiệp công trình 5	185.172.998	203.446.228
+ Xí nghiệp công trình 6	3.250.000	-
+ Xí nghiệp công trình 7	53.751.814	14.868.953
+ Xí nghiệp công trình 8	766.319.300	5.920.285.354
+ Xí nghiệp công trình 9	260.110.121	945.455.269
Cộng	**3.702.583.738**	**9.106.464.783**
11.2 Dài hạn		
a.Văn phòng	**10.763.165.183**	**13.546.392.063**
+ Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (cừ Lasen)	-	908.597.983
+ Lợi thế kinh doanh (*)	9.406.458.849	10.974.201.991
+ Chi phí dạ cầu	831.796.045	1.663.592.089
+ Khác	524.910.289	-
b.Xí nghiệp	-	-
Cộng	**10.763.165.183**	**13.546.392.063**

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ thời điểm cổ phần hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12.1. Phải trả người bán ngắn hạn				
a. Văn phòng Công ty	**20.045.922.822**	**20.045.922.822**	**24.517.363.313**	**24.517.363.313**
CTCP Công trình Giao Thông Sài Gòn	13.777.476.154	13.777.476.154	15.142.679.969	15.142.679.969
Công ty TNHH ĐT XD & PT CTGT 6	46.522.300	46.522.300	930.446.000	930.446.000
CN Cty Sao Mai - Công ty TNHH MTV đóng tàu 76	53.672.000	53.672.000	228.501.000	228.501.000
Cty CP ĐT và XD Công trình 3	-	-	909.265.000	909.265.000
Phải trả nhà cung cấp khác	6.168.252.368	6.168.252.368	7.306.471.344	7.306.471.344
b. Xí nghiệp	**78.102.938.802**	**78.102.938.802**	**65.277.099.385**	**65.277.099.385**
Xí nghiệp công trình 1	12.900.439.587	12.900.439.587	4.359.230.423	4.359.230.423
Xí nghiệp công trình 2	2.001.669.800	2.001.669.800	493.150.121	493.150.121
Xí nghiệp công trình 3	7.959.032.780	7.959.032.780	450.800.550	450.800.550
Xí nghiệp công trình 4	6.615.394.214	6.615.394.214	9.337.190.431	9.337.190.431
Xí nghiệp công trình 5	15.546.878.370	15.546.878.370	8.996.994.087	8.996.994.087
Xí nghiệp công trình 6	2.790.817.178	2.790.817.178	197.029.500	197.029.500
Xí nghiệp công trình 7	7.491.544.414	7.491.544.414	93.429.636	93.429.636
Xí nghiệp công trình 8	19.471.809.746	19.471.809.746	36.000.045.614	36.000.045.614
Xí nghiệp công trình 9	3.325.352.713	3.325.352.713	5.349.229.023	5.349.229.023
Cộng	**98.148.861.624**	**98.148.861.624**	**89.794.462.698**	**89.794.462.698**

12.2. Phải trả người bán là các bên liên quan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Khoản mục	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp/số tăng	Số đã thực nộp/ số giảm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	328.615.252	8.525.765.987	5.827.356.120	-	3.027.025.119
Thuế giá trị gia tăng khấu trừ	4.257.119.823		-	341.788.856	4.598.908.679	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.953.411.327	-	2.623.728.601	2.000.000.000	1.329.682.726	-
Thuế thu nhập cá nhân	187.095.451	-	443.326.349	350.700.001	94.469.103	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
Tiền thuê đất	-	-	1.005.647.488	1.005.647.488	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	**6.397.626.601**	**328.615.252**	**12.601.468.425**	**9.528.492.465**	**6.023.060.508**	**3.027.025.119**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
14.1. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	**4.205.000**	**46.655.686**
- BHXH, BHYT, BHTN	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	**499.427.637**	**499.427.637**
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	**45.196.718.710**	**51.607.639.906**
Văn phòng	**9.055.264.278**	**8.370.391.248**
+ BĐH cảng Bến Dầm	-	103.621.891
+ Phòng kinh doanh	1.345.121.292	311.286.401
+ Phòng kế hoạch đầu tư	-	3.259.906
+ Phải trả Phòng quản lý chất lượng	256.238.481	243.998.016
+ XN công trình 7 - Nguyễn Xuân Khoa	2.369.243.266	3.148.054.662
+ BĐH sửa chữa cầu Long Kiểng H. Nhà Bè	154.099.448	154.099.448
+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	-
+ Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.009.902.999	4.068.669.250
+ Đoàn Thanh Niên	240.901.451	159.890.528
+ Khác	679.757.341	177.511.146
Xí nghiệp	**36.141.454.432**	**43.237.248.658**
+ Xí nghiệp công trình 1	13.708.586.952	19.526.921.103
+ Xí nghiệp công trình 2	4.265.018.074	6.296.100.834
+ Xí nghiệp công trình 3	146.576.638	584.816.912
+ Xí nghiệp công trình 4	2.596.636.610	6.749.006.552
+ Xí nghiệp công trình 5	362.598.416	2.537.481.620
+ Xí nghiệp công trình 6	1.230.611.455	81.468.000
+ Xí nghiệp công trình 7	672.051.707	214.978.024
+ Xí nghiệp công trình 8	5.808.917.499	3.142.607.717
+ Xí nghiệp công trình 9	7.350.457.081	4.103.867.896
Cộng	**45.700.351.347**	**52.153.723.229**

14.2. Dài hạn

14.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

15.1. Ngắn hạn

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM	38.096.326.082	38.096.326.082	79.290.454.473	71.329.106.199	30.134.977.808	30.134.977.808
Cộng	**38.096.326.082**	**38.096.326.082**	**79.290.454.473**	**71.329.106.199**	**30.134.977.808**	**30.134.977.808**

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số HĐ vay	Ngày HĐ vay	Mục đích	Thời hạn vay	Lãi suất (/năm)	Số dư nợ tại ngày 31/12/2019	Hình thức đảm bảo khoản vay
- 01/2019/94435/HĐTD	28/08/2019	Bổ sung vốn lưu	Theo giải ngân	Theo giải ngân	38.096.326.082	Tín chấp
Cộng					**38.096.326.082**	

15.2. Dài hạn

15.3. Các khoản nợ thuê tài chính

15.4. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

15.5. Các khoản vay và thuê tài chính đối với các bên liên quan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**91.000.000.000**	**59.467.052**	**451.520.497**	**7.846.938.383**	**99.357.925.932**
- Lợi nhuận năm trước				11.000.356.132	11.000.356.132
- Chi thưởng Ban Điều hành (*)				(40.998.066)	(40.998.066)
- Trích quỹ đầu tư phát triển			575.966.919	(575.966.919)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi				(2.303.867.677)	(2.303.867.677)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2017				(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Chia cổ tức đợt 1 năm 2018				(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
Số dư đầu năm nay	**91.000.000.000**	**59.467.052**	**1.027.487.416**	**7.736.461.853**	**99.823.416.321**
- Lợi nhuận năm nay				10.800.792.801	10.800.792.801
- Chi thưởng Ban Điều hành (*)				-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)			550.017.807	(550.017.807)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi (*)				(2.200.071.226)	(2.200.071.226)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2018 (*)				(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2019 (**)				(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
Số dư cuối năm	**91.000.000.000**	**59.467.052**	**1.577.505.223**	**7.597.165.621**	**100.234.137.896**

(*) Phân phối cổ tức và trích lập quỹ năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 số 43/NQ-CTCP-HĐQT ngày 24/04/2019

(**) Tạm chia cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết số 86/NQ-CTCP-HĐQT ngày 08/11/2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu"

	Tỷ lệ	Số lượng cổ	Giá trị vốn
+ Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà nước - HFIC	40,00%	3.640.000	36.400.000.000
+ Tạ Thị Hồng Tâm	7,69%	700.000	7.000.000.000
+ Huỳnh Bá Lân	10,59%	963.900	9.639.000.000
+ Cổ đông khác	41,72%	3.796.100	37.961.000.000
Cộng	**100,00%**	**9.100.000**	**91.000.000.000**

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận"

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	91.000.000.000	91.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	91.000.000.000	91.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	**4.095.000.000**	**8.190.000.000**

c. Cổ phiếu"

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**9.100.000**	**9.100.000**
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**9.100.000**	**9.100.000**
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**9.100.000**	**9.100.000**
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000

d. Cổ tức

	Năm 2019	Năm 2018
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	9,0%	9,0%

17 . NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	267.649.775	(499.186.974)
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	251.526.975	592.969.075
- Chi sự nghiệp trong năm	(519.176.750)	173.867.674
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	**-**	**267.649.775**

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

18.1. Tài sản nhận giữ hộ

18.2. Ngoại tệ các loại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
1.1. Doanh thu		
- Doanh thu công tác duy tu khoán cầu	138.776.986.960	128.319.672.403
- Doanh thu xây dựng công trình, định tư vấn giám sát	242.515.201.486	261.943.701.916
- Doanh thu công tác khai thác dạ cầu	-	704.939.275
- Doanh thu cho thuê xe máy	57.523.633	1.801.763.639
Cộng	**381.349.712.079**	**392.770.077.233**

1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan

2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn duy tu cầu	110.224.337.912	101.791.642.324
- Giá vốn xây dựng công trình, hoạt động kiểm định	230.017.192.742	249.781.722.595
- Giá vốn khai thác dạ cầu	-	362.451.590
- Giá vốn cho thuê xe máy	15.001.644	1.425.058.417
Cộng	**340.256.532.298**	**353.360.874.926**

3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.028.160.217	1.442.951.687
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	481.378.399	588.000.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	92.734.758	-
Cộng	**1.602.273.374**	**2.030.951.687**

4 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thu tiền bồi thường sửa chữa cầu do va đụng	152.702.377	306.314.132
- Thu nhập do đánh giá lại tài sản góp vốn	-	186.361.006
- Thu nhập từ mua hồ sơ thầu	-	9.090.910
- Thu nhập thuê văn phòng	-	42.386.480
- Thu thanh lý vật tư phế liệu thu hồi	-	49.000.000
- Thu nhập khác	535	4.397
Cộng	**152.702.912**	**593.156.925**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

5 . CHI PHÍ KHÁC

	Lũy kế từ đầu kỳ đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
- Chi phí sửa chữa cầu, đường do va đụng	70.947.472	192.900.620
- Xử lý chi phí thanh lý kho Tô Hiến Thành	-	901.776.893
- Chi phí thanh lý dạ cầu	831.796.044	835.607.764
- Chi phí khác	3.636.364	2.718.652
Cộng	**906.379.880**	**1.933.003.929**

6 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	**Năm trước**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.623.728.601	2.665.407.713
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ trước ảnh hưởng đến chi phí thuế thu nhập chịu thuế năm nay	-	13.556.481
Cộng	**2.623.728.601**	**2.678.964.194**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	**Năm trước**
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**13.424.521.402**	**13.679.320.326**
+ Các khoản điều chỉnh tăng	**175.500.000**	**235.718.239**
Chi phí tiền lương & thù lao HĐQT không chuyên trách	175.500.000	233.000.000
Chi phí loại trừ	-	2.718.239
+ Các khoản điều chỉnh giảm	**481.378.399**	**588.000.000**
Lợi nhuận sau thuế công ty con	481.378.399	588.000.000
- Tổng thu nhập chịu thuế	**13.118.643.003**	**13.327.038.565**
+ Thuế suất thông thường	20%	20%
+ Thuế TNDN hiện hành tính trên TN chịu thuế năm nay	2.623.728.601	2.665.407.713
+ Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành.	-	13.556.481
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	**2.623.728.601**	**2.678.964.194**

7 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về "Lãi trên cổ phiếu".

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong năm tài chính Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:

Doanh nghiệp không phát sinh việc trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	**Năm nay**	**Năm trước**
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	79.290.454.473	66.167.820.331

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ	**Năm nay**	**Năm trước**
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	71.329.106.199	55.513.723.322

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3 . Thông tin về các bên liên quan có phát sinh giao dịch chủ yếu trong năm

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)	Cổ đông lớn 40%
Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà	Công ty con

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)

	Năm nay	**Năm trước**
Trả cổ tức	3.276.000.000	3.276.000.000

Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà

	Năm nay	**Năm trước**
Phải thu lợi nhuận	468.000.000	585.000.000
Lợi nhuận thu được	500.000.000	-
Thu tiền thi công công trình	-	2.500.000.000
Cho thuê văn phòng	-	46.625.128

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ giữa Công ty với các Bên có liên quan.

Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
Phải trả cổ tức	1.638.000.000	1.638.000.000

Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
Phải thu tiền ứng trước thực hiện công trình	-	-
Phải thu lợi nhuận từ Công ty con	553.000.000	585.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

4. Quỹ lương thực hiện của Tổng giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương của Tổng Giám đốc	331.200.000	329.550.000
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	944.500.000	873.100.000
Cộng	**1.275.700.000**	**1.202.650.000**

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày trên là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hoàng Hạnh	Lê Nga Phương	Lê Hữu Châu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH